

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2022/DS - ST

Ngày: 21 - 12 - 2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH L

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Minh Thọ;

2. Bà Mai Lương Anh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Ngọc Phú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh L tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ - tỉnh L; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 240/2021/TLST - DS ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 715/2022/QĐST - DS ngày 09 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Y.

Địa chỉ: Số 744 B, Quốc lộ 20, thị trấn L, huyện Đ.

Văn phòng đại diện: Số 11, đường T (lô 90), thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Y, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Đình T, sinh năm: 1969, địa chỉ: tổ 3, thôn Bồng Lai, xã H, huyện Đ, tỉnh L (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/3/2022) - có mặt.

Bị đơn: Ông Trần T, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: tổ 13, Thôn 1, xã Tà Nung, thành phố Đ, tỉnh L (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Tuấn H**, sinh năm: 1965, địa chỉ: tổ 12, thôn 3, xã Tà Nung, thành phố Đ, tỉnh L.

Địa chỉ hiện trú: thôn Hà Ra, xã Đak DJRăng, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trình bày của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Y thì: Công ty TNHH TMV Y là doanh nghiệp chuyên sản xuất phân hữu cơ vi sinh dùng cho cây trồng và cung cấp sản phẩm trên nhiều địa bàn thuộc tỉnh L. Để phân phối phân bón đến tay người nông dân thì thông qua trưởng thôn, công ty Y đã đứng ra tổ chức nhiều cuộc hội thảo, cho sử dụng thử để biết chất lượng sản phẩm trước khi bán cho người dân, với giá bán 3.900đ/kg (phân heo), 5.000đ/kg (phân gà), hộ dân nào muốn mua thì đăng ký với trưởng thôn, sau đó công ty sẽ chở hàng đến và bán hàng theo phương thức “Mua hàng trả chậm”

Quá trình ông Trần T đã ký hợp đồng mua bán với công ty Y. Theo thỏa thuận ông T đề xuất mua bao nhiêu thì công ty Y sẽ chở hàng đến theo địa chỉ mà ông T hướng dẫn, ông T không cần bỏ vốn mà chỉ cần lấy phân đem bán theo phương thức “Mua hàng trả chậm”, nhưng chậm nhất là đến ngày 25/12/2019 thì ông T phải giao đủ 100% số tiền hàng đã bán về cho công ty và công ty sẽ Tch chiết khấu hoa hồng cho ông T là 300.000đ/1 tấn phân (Số tiền được Tch chiết khấu hoa hồng sau khi đã thanh toán đủ số công nợ với công ty Y vào ngày 25/12/2019, nếu nộp tiền sau ngày 25/12/2019 thì phải chịu lãi suất là 1,5%/tháng tính trên số nợ còn lại). Sau khi đôi bên thỏa thuận xong thì ông T đã đề nghị Công ty Y giao phân cho ông T đi bán theo cách thức đã thỏa thuận.

Vào ngày 15/6/2019 ông T đã nhận của công ty Y 02 đợt hàng với số lượng phân là 11,5 tấn tính thành tiền là 56.400.000đ (*Năm mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*). Tuy đã bán hết số lượng phân trên của công ty và thu tiền về, nhưng ông T đã kéo dài thời gian thanh toán, tính đến ngày 21/01/2020, ông T chỉ mới giao nộp cho công ty số tiền 27.500.000đ (*Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) và còn nợ lại số tiền 28.900.000đ (*Hai mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng*), công ty đã nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền cho công ty nhưng ông T vẫn dây dưa không chịu trả.

Quá trình công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T có trách nhiệm trả số nợ gốc cho công ty là 28.900.000đ và trả lãi với lãi suất chậm là 1,5%/tháng, tính từ ngày 25/12/2019 đến ngày khởi kiện ngày 10/11/2021 tiền lãi là 9.753.000đ.

Sau khi công ty Y khởi kiện thì ông T đã cung cấp cho công ty 02 phiếu giao hàng cho hộ ông Hoàng Minh H và hộ ông Lục Bình Q như đã trình bày trong đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/5/2022. Nên công ty thay đổi 1 phần yêu cầu khởi kiện, nay chỉ còn khởi kiện yêu cầu ông T có trách nhiệm trả cho công

ty số nợ gốc là 16.950.000đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/12/2019 đến ngày 16/5/2022 là 7.288.500đ, tổng cộng hiện nay công ty Y yêu cầu ông T có trách nhiệm trả cho công ty cả gốc và lãi số tiền 24.238.500đ (*Hai mươi bốn triệu hai trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng*).

Việc công ty Y giao phân cho ông T ký nhận, nhưng ông T giao phân cho hộ dân nào thì ông T phải có chứng cứ giao lại cho công ty Y để công ty kiện hộ dân đó. Tuy nhiên, còn 1 phần ông T chưa cung cấp được chứng cứ thể hiện việc giao phân cho hộ dân nào, nên công ty yêu cầu ông T có trách nhiệm trả cho công ty số tiền 24.238.500đ (*Hai mươi bốn triệu hai trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng*) như đã nêu trên.

Theo bản tự khai và trình bày của bị đơn ông Trần T thì: Ông là thôn trưởng thôn 1, xã Tà Nung, thành phố Đ, ông thừa nhận quá trình ông đã ký giấy để nhận phân của công ty Y giao bán cho người dân và thu hồi tiền cho công ty Y như trình bày của công ty.

Trong quá trình thực hiện việc giao dịch mua bán phân thì ông làm trung gian đứng giữa nhận phân của công ty Y và ký nhận số lượng phân do công ty giao, ông đại diện người dân ký nhận phân và ông giao lại cho những hộ dân cần mua phân, trong đó có hộ ông Trần Tuấn Hoàng đã nhận số lượng 40 bao phân, nhưng do ông sơ suất không đưa giấy giao nhận hàng cho ông Hoàng ký nhận, quá trình ông Hoàng nhận phân chỉ mới đưa cho ông số tiền 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*). Nay công ty Y khởi kiện ông yêu cầu ông có trách nhiệm trả số nợ gốc là 16.950.000đ và tiền lãi phát sinh, thì nay ông muốn giải quyết cho xong vụ việc nên ông đồng ý trả số nợ gốc là 16.950.000đ (*Mười sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*), vì ông nhận sai sót là do ông không đưa giấy tờ giao nhận phân cho ông Hoàng ký nhận, còn đối với tiền lãi thì tôi không đồng ý trả vì thực tế như ông Hoàng đã trình bày ông Hoàng chỉ mới đưa cho ông số tiền 2.400.000đ tiền mua phân, nên ông chưa có tiền để giao đủ cho công ty Y, việc ông đứng ra giao dịch với công ty Y là để bán phân thay công ty và nhận hoa hồng, nhưng quá trình công ty cũng chưa chi hoa hồng cho ông.

Theo bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Tuấn Hoàng trình bày thì: Ông thừa nhận vào năm 2019 ông có đăng ký mua phân của công ty Y thông qua trưởng thôn là ông Trần T lập danh sách, số lượng phân giá phân là 16.000.000đ, nhưng do ông không có kho chứa nên công ty chở phân gửi ở kho nhà ông T, ông nhận số phân là 4 tấn như đã đăng ký tại kho nhà ông T do người của công ty Y giao. Quá trình ông nhận mua 40 bao phân, nhưng thực tế ông mới chỉ nhận 06 bao phân và đã tiền cho ông T số tiền 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*), còn 34 bao phân vẫn để ở kho nhà ông Trần T để trả lại cho công ty, nay công ty khởi kiện ông ông T thì không liên quan đến ông. Do ông ở xa bận công việc nên xin được vắng mặt.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã triệu tập các bên đương sự để tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Ông Phan Đình T là người đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH MTV Y trình bày: Yêu cầu Tòa án buộc ông Trần T có trách nhiệm trả số tiền nhận mua phân còn lại chưa thanh toán, trong đó số tiền nợ gốc là 16.950.000đ và tiền lãi phát sinh tính kể từ ngày 26/12/2019 đến ngày 16/5/2022 là 7.288.500đ, tổng cộng yêu cầu ông T có trách nhiệm trả cho công ty số tiền 24.238.500đ (*Hai mươi bốn triệu hai trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng*).

Bị đơn ông Trần T trình bày: Ông Trần T thừa nhận quá trình ông đã giao dịch ký nhận mua bán phân như trình bày của công ty Yên Tân, ông cũng thừa nhận ông Trần Tuấn Hoàng chỉ mới nhận 6 bao phân và đã đưa cho ông số tiền 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*), số phân còn lại vẫn để ở kho nhà ông, nay ông T đồng ý trả số tiền nợ gốc là 16.950.000đ (*Mười sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng không đồng ý trả tiền lãi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, đương sự và Hội Đồng xét xử. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Y về việc buộc bị đơn ông Trần T có trách nhiệm thanh toán cho công ty Công ty TNHH Y số tiền gốc là 16.950.000đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/12/2019 đến ngày 16/5/2022 là 7.288.500đ, tổng cộng là 24.238.500đ (*Hai mươi bốn triệu hai trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ việc giữa nguyên đơn công ty TNHH MTV Y và bị đơn ông Trần T có xác lập giao dịch dân sự mua bán phân, do quá trình bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp. Quá trình công ty Y khởi kiện yêu cầu ông T có trách nhiệm trả lại giá trị tiền mua bán phân còn thiếu. Vì vậy có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về tố tụng: Qua trình Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Tuấn Hoàng, nhưng tại phiên tòa ông Hoàng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Theo tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xác định được ngày 15/6/2019 giữa công ty TNHH MTV Y và ông Trần T đã hợp đồng mua bán kiêm phiếm giao, nhận hàng hóa số 001180, thể hiện ông Trần T ký nhận của công ty Y 10 tấn 500kg phân già với giá 5.000.000đ/tấn thành tiền 52.500.000đ và 1 tấn phân heo giá 3.900.000đ/1 tấn thành tiền 3.900.000đ, tổng cộng là 56.400.000đ. Đến ngày 08/11/2019 hai bên đã ký biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ năm 2019 thể hiện nội dung xác nhận số tiền gốc 56.400.000đ, chiết khấu khuyến mãi được tính 300.000đ/1 tấn là 3.450.000đ, số tiền còn lại phải thanh toán cho công ty là 52.950.000đ, số tiền trên được Tch khuyến mãi sau khi ông T đã thanh toán đủ số công nợ với công ty TNHH MTV Y vào ngày 25/12/2019, quá thời hạn phải trả ghi trên hợp đồng là ngày 25/12/2019 thì phải chịu lãi suất là 1,5%/tháng.

Vào ngày 03/01/2020 ông T đã thanh toán cho công ty Y số tiền 20.000.000đ và ngày 21/01/2020 ông T thanh toán thêm 7.500.000đ. Tổng cộng ông T đã thanh toán số tiền 27.500.000đ cho công ty Y.

[3.2] Ngày 10/11/2021 nguyên đơn công ty TNHH MTV Y gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần T có trách nhiệm trả số nợ gốc còn lại cho công ty là 28.900.000đ và tiền lãi tính từ ngày 25/12/2019 đến ngày 10/11/2021 là 9.753.000đ tính theo mức lãi suất là 1,5%/tháng.

Nhưng sau khi công ty Y khởi kiện thì ông T đã cung cấp cho công ty 02 phiếu giao hàng của hộ ông Hoàng Minh H và hộ ông Lục Bình Q, vì vậy ngày 16/5/2022 công ty thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ còn khởi kiện yêu cầu ông T có trách nhiệm trả cho công ty số nợ gốc là 16.950.000đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/12/2019 đến ngày 16/5/2022 là 7.288.500đ, tổng cộng cả gốc và lãi là 24.238.500đ (*Hai mươi bốn triệu hai trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng*).

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần T cũng thừa nhận với tư cách là trưởng thôn thì ông đã giao dịch nhận mua bán phân như trình bày của công ty Y, ông ký nhận số lượng phân của công ty Y giao để giao bán lại cho các hộ dân và sẽ được công ty Tch hoa hồng cho ông, do khi ông giao dịch bán phân cho các hộ dân nhưng không ký phiếu giao nhận hàng, nay công ty Y khởi kiện yêu cầu ông có trách nhiệm trả số tiền còn thiếu thì ông đồng ý trả số nợ gốc là 16.950.000đ (*Mười sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng ông không đồng ý trả tiền lãi như yêu cầu của công ty Y.

[3.3] Xét lời yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, ý kiến trình bày của bị đơn, ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp phù hợp với tài liệu chứng cứ Tòa án đã thu thập được thì có đủ căn cứ xác định giao dịch ký nhận mua bán phân giữa công ty Y với ông Trần T là xảy ra trên thực tế và quá trình giải quyết vụ án ông T cũng đồng ý trả khoản nợ gốc tiền phân còn lại 16.950.000đ như yêu cầu của công ty Y, nên có đủ căn cứ xác định việc công ty Y khởi kiện ông Trần T là có cơ sở để chấp nhận.

[3.4] Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty TNHH MTV Y yêu cầu ông T trả tiền lãi theo mức 1,5%/tháng trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 26/12/2019 đến ngày 16/5/2022 là 7.288.500đ. Mặc dù bị đơn ông Trần T không đồng ý trả tiền lãi, tuy nhiên căn cứ theo nội dung thỏa thuận đã ký giữa các bên tại biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ năm 2019 lập ngày 08/11/2019 thì có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tính tiền lãi chậm của công ty Y.

[4] Với những nhận định trên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty TNHH MTV Y về việc yêu cầu bị đơn ông Trần T có trách nhiệm trả số tiền 24.238.500đ (trong đó tiền nợ gốc là 16.950.000đ và tiền lãi chậm trả là 7.288.500đ).

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên công ty TNHH MTV Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông Trần T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho công ty Y.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 430, 433, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Y đối với bị đơn ông Trần T.

Tuyên xử:

1/Buộc ông Trần T phải có trách nhiệm trả cho công ty TNHH MTV Y số tiền 24.238.500đ (trong đó tiền gốc là 16.950.000đ và tiền lãi chậm trả là 7.288.500đ).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/Về án phí: Ông Trần T phải chịu 1.211.925đ (*Một triệu hai trăm mười một nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV Y số tiền 967.000đ (*chín trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001399 ngày 24/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh L.

3/Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/12/2022). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

